

Sơn La, ngày 02 tháng 4 năm 2024

HƯỚNG DẪN

Quy trình bảo trì mẫu đối với các công trình đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định 38/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư 14/2021/TT-BXD ngày 8 tháng 9 năm 2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng; Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2120/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của UBND tỉnh Ban hành danh mục loại dự án, công trình được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND tỉnh Ban hành Quy định việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Sở Xây dựng hướng dẫn Quy trình bảo trì mẫu đối với các công trình đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Sơn La như sau:

1. Những nội dung chính của quy trình bảo trì công trình xây dựng

Nội dung quy trình bảo trì công trình xây dựng chung cho từng loại công trình có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, trên địa bàn tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định 06/2021/NĐ-CP gồm nội dung chính sau:

- a) Các thông số kỹ thuật, công nghệ của công trình, bộ phận công trình và thiết bị công trình;
- b) Quy định đối tượng, phương pháp và tần suất kiểm tra công trình;
- c) Quy định nội dung và chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng công trình phù hợp với từng bộ phận công trình, loại công trình và thiết bị lắp đặt vào công trình;
- d) Quy định thời điểm và chỉ dẫn thay thế định kỳ các thiết bị lắp đặt vào công trình;
- đ) Chỉ dẫn các phương pháp sửa chữa các hư hỏng của công trình, xử lý các trường hợp công trình bị xuống cấp;
- e) Quy định thời gian sử dụng của công trình, các bộ phận, hạng mục công trình, thiết bị lắp đặt và công trình;
- g) Quy định về nội dung, phương pháp và thời điểm đánh giá lần đầu, tần suất đánh giá đối với công trình phải đánh giá an toàn trong quá trình khai thác sử dụng theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng và quy định của pháp luật có liên quan;
- h) Xác định thời điểm, đối tượng và nội dung cần kiểm định định kỳ;
- i) Quy định thời điểm, phương pháp, chu kỳ quan trắc đối với công trình có yêu cầu thực hiện quan trắc;
- k) Quy định về hồ sơ bảo trì công trình xây dựng và việc cập nhật thông tin vào hồ sơ bảo trì công trình xây dựng;
- l) Các chỉ dẫn khác liên quan đến bảo trì công trình xây dựng và quy định các điều kiện nhằm bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện bảo trì công trình xây dựng.

2. Quy trình mẫu đối với từng loại công trình xây dựng

- a) Quy trình bảo trì mẫu đối với các công trình Nhà văn hóa xã; Nhà văn hóa thôn, bản, tiểu khu; Nhà lớp học mầm non, tiểu học; Sân thể thao xã, thôn, bản, tiểu khu; Nhà vệ sinh công cộng được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Sơn La (***Phụ lục I*** kèm theo *Hướng dẫn này*).
- b) Quy trình bảo trì mẫu đối với các công trình Đường giao thông nông thôn, đường nội đồng và các hạng mục khác trên đường giao thông nông thôn được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Sơn La (***Phụ lục II*** kèm theo *Hướng dẫn này*).
- c) Quy trình bảo trì mẫu đối với các công trình kênh mương nội đồng, hệ thống cấp nước sạch, nước sinh hoạt nông thôn được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Sơn La (***Phụ lục III*** kèm theo *Hướng dẫn này*).

3. Kế hoạch bảo trì công trình xây dựng

a) Kế hoạch bảo trì công trình xây dựng hàng năm được lập trên cơ sở quy trình bảo trì chung cho từng loại công trình theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc thiết kế sẵn có đã áp dụng trên địa bàn và hiện trạng công trình.

b) Nội dung chính của kế hoạch bảo trì công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

4. Chi phí bảo trì, định mức chi phí thực hiện công tác bảo trì công trình xây dựng

a) Chi phí bảo trì công trình xây dựng được xác định bằng dự toán theo Điều 3 Thông tư 14/2021/TT-BXD ngày 8 tháng 9 năm 2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng. Mức chi phí thực hiện các công việc bảo trì định kỳ hàng năm được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị công trình được quyết toán. Tỷ lệ (%) đối với các loại công trình thực hiện theo Phụ lục I Thông tư 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ Xây dựng.

b) Định mức dự toán sửa chữa và bảo dưỡng công trình xây dựng thực hiện công tác bảo trì theo Phụ lục VI Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng.

Trên đây là Hướng dẫn Quy trình bảo trì mẫu đối với các công trình đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Sơn La, trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị liên hệ Phòng Giám định xây dựng- Sở Xây dựng./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Các sở: Giao thông vận tải; NN&PTNT, Công thương;
- Ban Dân tộc;
- Các Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Ban Giám đốc (b/c);
- Đăng tải trên Website Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, GĐXD. (Bắc). 50b.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Phúc